

Bản án số: 387/2019/HC-PT

Ngày 21 tháng 6 năm 2019

V/v: *Khiếu kiện Quyết định hành
chính về lĩnh vực đất đai.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Văn

Các Thẩm phán: Ông Trần Xuân Minh

Ông Nguyễn Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 517/2018/TLPT-HC ngày 25 tháng 9 năm 2018 về việc: “*Khiếu kiện Quyết định hành chính về lĩnh vực đất đai*”.

Do có kháng cáo của người khởi kiện đối với bản án hành chính sơ thẩm số 16/2018/HC-ST ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1452/2018/QĐXX-PT ngày 05 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông **Phạm Văn S**, sinh 1958; Địa chỉ: thôn Ph, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (Có mặt).

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

2.3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng

(Người bị kiện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà **Nguyễn Thị Th**, sinh 1946;

Địa chỉ: thôn Ph, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt

3.2. Bà **Lý Thị Th1**, sinh 1973;

Địa chỉ: thôn Ph, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

3.3. Bà **Lý Thị Đ**, sinh 1977;

Địa chỉ: thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt

3.4. Ông **Lý Năng D**, sinh 1974;

Địa chỉ: thôn Ph, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Ông Lý Năng D là đại diện theo ủy quyền của bà Th, bà Th1, bà Đà)
(Vắng mặt).

3.5. Ông **Phạm Văn V**, sinh 1983; bà Nguyễn Thị Thanh Y, sinh 1984;

Địa chỉ: tổ 15 Thôn Ph, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (Có mặt).

3.6. Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Lâm Đồng

Trụ sở: Tầng 2 Trung Tâm hành chính tỉnh Lâm Đồng; đường Tr, phường 4, thành phố Đ1, tỉnh Lâm Đồng (Vắng mặt).

3.7. Ngân hàng thương mại cổ phần A

Trụ sở: đường Ng, Phường 5, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

3. Người kháng cáo: Người khởi kiện – Ông Phạm Văn S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ghi ngày 23-3-2015, đơn khởi kiện bổ sung ghi ngày 05-10-2015, bản tự khai, lời khai; người khởi kiện ông S trình bày:* Nguồn gốc diện tích đất 1.304m² hiện nay thuộc thửa 535 bản đồ 4 xã H là do ông S khai phá từ năm 1972; do đất xấu, khô cằn vào mùa khô; bị ngập úng vào mùa mưa, nên ông S để làm sân bóng đá (*vui chơi*) cho thanh thiếu niên trong thôn. Đến năm 1977 sau khi có mương nước thủy lợi, ông S phục hóa thành ruộng nước và canh tác được một vụ, đến cuối năm 1977 ông S đưa diện tích đất này vào Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp Ph (*viết tắt là HTX Ph*) theo chủ trương của Nhà nước. Tuy nhiên, HTX Ph giải thể, UBND xã H giao diện tích đất này cho bà Nguyễn Thị Th sử dụng cho đến năm 2000 thì bỏ hoang, không canh tác sử dụng; ông S đã có đơn và nhiều lần xin nhận lại diện tích nêu trên để quản lý canh tác sử dụng nhưng không được UBND xã H giải quyết.

Đến tháng 6-2013 ông S khiếu nại đến UBND huyện Đ đề nghị xem xét đất nhưng không được chấp nhận tại Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 11-9-

2013 của Chủ tịch UBND huyện Đ (sau đây viết tắt QĐ số 53/QĐ-UBND). Không đồng ý với quyết định này, ông S khiếu nại nhưng vẫn không được chấp nhận tại Quyết định số 595/QĐ-UBND ngày 21-3-2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng (sau đây viết tắt QĐ số 595/QĐ-UBND). Ngoài ra, trong quá trình giải quyết khiếu nại, UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây gọi tắt sổ đỏ) đứng tên và Nguyễn Thị Th là không đúng pháp luật về đất đai.

Nay khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét hủy Quyết định số 53/QĐ-UBND; Quyết định số 595/QĐ-UBND; hủy sổ đỏ đứng tên bà Th nay đã chuyển nhượng, chuyển mục đích và đăng ký biến động về đất đai.

** Theo ý kiến của đại diện người bị kiện:*

+ Đại diện UBND huyện Đ; Chủ tịch UBND huyện Đ: Ông S khiếu nại đề nghị trả lại diện tích đất thửa 535 bản đồ 4 xã H và cho rằng nguồn gốc khai phá năm 1972, sau đó đưa vào HTX theo chủ trương của nhà nước, HTX giao cho hộ bà Th sản xuất; sau khi HTX giải thể thì phải trả lại cho ông S. Trường hợp đã giao cho người khác sử dụng phải trả công khai phá.

Quá trình giải quyết khiếu nại, ông S không cung cấp được giấy tờ chứng minh việc khai hoang trước năm 1975, chỉ xuất trình đơn xin cứu xét ghi ngày 05-10-1994 của bà Thiển (mẹ ông S), không có giấy tờ chứng minh việc đăng ký đất đai đưa vào HTX. Ngoài ra, thông qua kiểm tra, xác minh nguồn gốc đất HTX giao khoán cho của ông Lý D1, bà Nguyễn Thị Th từ năm 1989 sau đó sử dụng ổn định; năm 1994, bà H (chị gái ông S) cày và sạ lúa trên đất, nên bà Th khiếu nại tranh chấp được UBND xã H hòa giải, bà H đồng ý trả lại đất cho bà Th. Ngoài ra, khoảng năm 2003 bà Th không sản xuất được là “do không có đường đi vào thửa đất”, do ông Th1 lần đường đi nên xảy ra tranh chấp, UBND huyện Đ đã giải quyết buộc hộ ông Th1 khôi phục trả lại đường đi theo bản đồ địa chính.

Năm 2012, bà H tiếp tục có đơn tranh chấp đất, UBND xã H trả lời tại Văn bản số 18/UBND ngày 03-4-2012; Năm 2013, ông S tiếp tục khiếu nại, được giải quyết tại Quyết định số 53/QĐ-UBND-ĐT không chấp nhận khiếu nại của ông S về việc đòi lại đất; bà Th thực hiện nghĩa vụ kê khai đăng ký cấp sổ đỏ theo đúng tinh thần Văn bản số 568/UBND ngày 18-3-2013 của UBND huyện Đ về việc giải quyết vướng mắc liên quan đến việc cấp sổ đỏ cho các hộ sử dụng đất có nguồn gốc trước đây HTX giao khoán tại xã H.

Không đồng ý với Quyết định số 53/QĐ-UBND-ĐT, ông S tiếp tục khiếu nại và được giải quyết tại Quyết định số 595/QĐ-UBND; không chấp nhận khiếu nại; giữ nguyên Quyết định số 53/QĐ-UBND-ĐT.

Sau khi đã giải quyết khiếu nại, bà Th thực hiện kê khai, đăng ký cấp sổ đỏ số hiệu BQ 088728 ngày 14-01-2014, đối với diện tích 1.037m² (giảm 267m² do trừ lộ giới) thửa 535 bản đồ 4 xã H theo quy định pháp luật đất đai. Ngoài ra, sau khi đã giải quyết khiếu nại, bà Th tặng cho quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt QSD đất) cho ông D (con bà Th) và được thực hiện đúng quy định, ông D

được cấp sổ đỏ sau đó tiếp tục thực hiện chuyển mục đích sử dụng 300m² từ loại đất nông nghiệp sang đất ở được cơ quan có thẩm quyền cho phép (QĐ số 2854/QĐ-UBND-ĐĐ ngày 07/11/2014 của UB huyện Đ); ông D chuyển nhượng QSD đất cho vợ chồng ông V, bà Y cũng được thực hiện đúng trình tự, thủ tục; đã được đăng ký biến động theo quy định pháp luật về đất đai.

Nay ông S khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 53/QĐ-UBND-ĐT; hủy sổ đỏ đã cấp cho bà Th, được đăng ký biến động cấp cho ông D, đăng ký biến động sang tên cho ông V, bà Y là không chấp nhận; đề nghị bác đơn khởi kiện của ông S.

Đại diện người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng: Việc ông S khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng đối với Quyết định số 53/QĐ-UBND-ĐT, nên thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần 2 theo thủ tục chung.

Sau khi xem xét, xác minh; kết quả giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện Đ thể hiện việc ông S khiếu nại đòi lại đất do HTX quản lý giao khoán cho xã viên; sau khi HTX giải thể, hộ bà Th quản lý canh tác sử dụng. Mặt khác, theo các tài liệu thu thập và Chủ tịch UBND huyện Đ giải quyết là có căn cứ, nên việc khiếu nại của ông S được Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng giải quyết tại Quyết định hành chính số 595/QĐ-UBND.

Theo điểm b, khoản 1, Điều 1, Nghị quyết số 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29-7-2011 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật tố tụng hành chính thì Quyết định 595/QĐ-UBND giữ nguyên Quyết định của Chủ tịch UBND huyện Đ, nên Quyết định 595/QĐ-UBND không thuộc đối tượng khởi kiện hành chính; đề nghị căn cứ điểm e khoản 1 Điều 109 Luật tố tụng hành chính trả lại đơn khởi kiện cho ông S.

** Theo lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:*

+ Ông Lý Năng D, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người liên quan bà Th (mẹ ông D), bà Th1, bà Đ1(con bà Th): Năm 1989, bà Th là xã viên, được HTX Ph giao khoán nay thuộc thửa 535bản đồ 4 xã H, huyện Đ. Sau khi được giao khoán đất, bà Th quản lý, sử dụng và thực hiện nghĩa vụ nhận khoán với HTX; sau khi HTX giải thể, bà Th vẫn trực tiếp quản lý canh tác và thực hiện nghĩa vụ thuế nhà nước.

Việc ông S khiếu nại đã được giải quyết tại các Quyết định 53/QĐ-UBND (giải quyết lần đầu); Quyết định 595/QĐ-UBND (giải quyết lần hai) theo quy định. Do vậy, sau khi đã giải quyết khiếu nại, bà Th được cấp sổ đỏ, sau đó bà Th cho tặng QSD đất cho ông D và được cấp sổ đỏ; ông D thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất cũng được cơ quan có thẩm quyền cho phép; đến tháng 4-2017, ông D chuyển nhượng QSD đất cho vợ chồng ông V, bà Y cũng được thực hiện đúng trình tự, thủ tục; đã được đăng ký biến động theo quy định pháp luật về đất đai. Hiện nay diện tích đất này, vợ chồng ông V, bà Y quản lý sử dụng.

Nay ông S khởi kiện, đề nghị Tòa án xem xét không chấp nhận đơn khởi kiện của ông S.

+ Ông Phạm Văn V, bà Nguyễn Thị Thanh Y: Ông D là người được tặng cho QSD đất đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông V, bà Y diện tích 1.037m² thửa 535, bản đồ 4 xã H theo quy định pháp luật. Sau khi chuyển nhượng, ông V, bà Y thanh toán đủ tiền và nhận đất quản lý canh tác; đồng thời tiến hành thủ tục đăng ký biến động đúng tên ông V, bà Y ngày 05-4-2017. Ngoài ra, sau khi đã đứng tên QSD đất, ông V, bà Y thế chấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần A (sau đây gọi tắt Ngân hàng ACB) chi nhánh Lâm Đồng để vay tiền đầu tư kinh doanh. Nay ông S khởi kiện hành chính, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Đại diện theo ủy quyền Ngân hàng thương mại cổ phần A (sau đây viết tắt Ngân hàng ACB): Theo hợp đồng tín dụng số LDO.CN.149.030418 ngày 11-4-2018; vợ chồng ông V, bà Y vay số tiền gốc là 17.000.000.000 đồng; tài sản thế chấp là QSD đất và tài sản gắn liền đất; trong đó có diện tích đất thửa 535, bản đồ 4 xã H trị giá 8.000.000.000 đồng bảo đảm cho khoản vay 7.000.000.000 đồng; được thực hiện đăng ký theo quy định pháp luật. Nay ông S khởi kiện hành chính liên quan đến tài sản thế chấp QSD đất thửa 535, bản đồ 4 xã H, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật nhưng bảo đảm quyền lợi của Ngân hàng.

+ Đại diện theo ủy quyền Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Lâm Đồng: Căn cứ sổ đỏ của Cơ quan có thẩm quyền cấp đứng tên bà Th, nên việc bà Th cho tặng ông D (con bà Th), được đăng ký biến động, cấp sổ đỏ theo quy định pháp luật; Việc ông D chuyển mục đích sử dụng đất được Cơ quan có thẩm quyền cho phép; việc chuyển nhượng QSD đất cho ông V, bà Y cũng được đăng ký biến động theo quy định pháp luật. Việc ông V, bà Y thế chấp QSD đất để vay tiền các tổ chức tín dụng cũng được đăng ký theo thủ tục chung. Nay ông S khởi kiện hành chính liên quan thửa 535, bản đồ 4 xã H được đăng ký biến động thông qua giao dịch cho tặng, chuyển mục đích, chuyển nhượng, thế chấp tài sản đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Vụ án đã được giải quyết tại bản án số 06/2015/HC-ST ngày 22-10-2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Tuy nhiên, bản án bị kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm. Tại bản án số 168/2016/HC-PT ngày 23-11-2016 của Tòa án cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã hủy bản án sơ thẩm; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết lại theo thủ tục chung.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2018/HC-ST ngày 16 tháng 7 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã quyết định:

Bác đơn khởi kiện của ông Phạm Văn S, về yêu cầu hủy các Quyết định số 53/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện Đ; Quyết định số 595/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng; Hủy sổ đỏ đứng tên bà Nguyễn Thị Th, đã cho tặng QSD đất cho ông Lý Năng D; chuyển mục đích; chuyển nhượng QSD đất từ ông D sang cho ông Phạm Văn V, bà Nguyễn Thị Thanh Y và đã đăng ký biến động về đất đai.

Án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 06/8/2018, ông Phạm Văn S làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

*Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa án sơ thẩm, hủy các quyết định.

-Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng qui định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Diện tích đất ông S khiếu nại đã đưa vào Hợp tác xã, sau khi giải tán Hợp tác xã Nhà nước không trả lại đất cho ông S mà cấp diện tích đất trên cho bà Th, bà Th quản lý kê khai và làm nghĩa vụ thuế với Nhà nước nên được Nhà nước cấp Giấy CNQSDĐ. Căn cứ quy định của Luật đất đai qua các thời kỳ, Nhà nước không trả lại đất cho ông S là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông S, giữ y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào chứng cứ có tại hồ sơ, lời trình bày của người khởi kiện, quan điểm đại diện Viện Kiểm Sát. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của Ông Phạm Văn S là có căn cứ bởi các lẽ sau:

[1] Xét về nguồn gốc đất: tại phiên tòa phúc thẩm bản thân Ông Phạm Văn S thừa nhận và các chứng cứ khác cho thấy, diện tích 1.304 m² thuộc thửa 535, tờ bản đồ số 4 xã H là do ông khai phá năm 1972. Năm 1977, ông đưa toàn bộ diện tích đất trên vào Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp Ph. Sau khi Hợp tác xã giải thể, diện tích đất trên Nhà nước không trả lại cho ông S mà đưa cho bà Nguyễn Thị Th quản lý. Bà Th được giao đất từ cuối năm 1977, bà đã quản lý kê khai và nộp thuế Nhà nước nên được Ủy ban Nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thực tế cho thấy việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Th là phù hợp với quy định của pháp luật đất đai.

[2] Theo khoản 2 Điều 2 Luật Đất Đai năm 1993; khoản 2 Điều 10 Luật Đất Đai năm 2003 và khoản 5 Điều 26 Luật Đất Đai năm 2013 qui định: “Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước”. Do vậy, việc Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện Đ ban hành quyết định số 53/QĐ.UBND ngày 11/9/2013 về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng giữa ông Phạm Văn S và bà Nguyễn Thị Th có nội dung không chấp nhận việc đòi lại đất của ông S là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Quyết định 595/QĐ.UBND ngày 21/3/2014 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng (giải quyết khiếu nại lần 2) không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông S, giữ y Quyết định 53 của Ủy ban nhân dân huyện Đ là đúng. Từ phân tích trên cho thấy, việc Ông S yêu cầu hủy 2 Quyết định trên là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho Bà Th: Như đã phân tích ở trên sau khi Hợp tác xã nông nghiệp giải thể. Bà Th đã được giao diện tích đất trên, Bà Th quản lý và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo quy định nên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hợp pháp. Nên việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho Bà Th là không có căn cứ.

Từ những phân tích trên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ông S. Giữ y án sơ thẩm.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên Ông S phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tố Tụng Hành Chính.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ông Phạm Văn S. Giữ y án sơ thẩm số 16/2018/HC-ST ngày 16/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 158; Điều 164; Điều 191; điểm a khoản 2 Điều 157 Luật Tố Tụng Hành Chính. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH qui định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

-Bác yêu cầu khởi kiện của Ông Phạm Văn S về việc yêu cầu hủy các Quyết định và giấy tờ sau:

+Quyết định số 53/QĐ.UBND ngày 11/9/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ.

+Quyết định số 595/QĐ.UBND ngày 21/3/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

+Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Nguyễn Thị Th đã tặng cho ông Lý Năng D chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông D sang cho ông Phạm Văn V, bà Nguyễn Thị Thanh Y (đã đăng ký biến động về đất đai).

-Về án phí: Ông Phạm Văn S phải chịu toàn bộ án phí phúc thẩm. Chuyển số tiền tạm ứng án phí (*Theo biên lai thu số 0010130 ngày 15/8/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng*) thành án phí phúc thẩm.

Các nội dung khác trong Quyết Định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng;
- Dương sự;
- Lưu VP (3). HS (2). 17b

Lê Thành Văn

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Xuân Minh Nguyễn Văn Hùng

Lê Thành Văn